

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 11 năm 2018
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Anh Ngọc
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Hào - Ông Nguyễn Đức Quỳnh
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2018/QĐ-HPT ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh ngày 26/9/1987.

Trú tại: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Duy N, sinh ngày 18/8/1986.

Trú tại: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: làm ruộng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

Chị Nguyễn Thị A, anh Trần Duy N cưới nhau vào tháng 06/2008 trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện đến với nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới chị A, anh N đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 44/2008 ngày 09/6/2008. Sau khi cưới đến tháng 10/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không

phù hợp, quan điểm vợ chồng khác nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, không thông cảm về việc xử sự đối với nhau, nên vợ chồng có những hành động, lời nói thiếu tôn trọng nhau. Mỗi lần mâu thuẫn thì vợ chồng lại cự cãi nhau quyết liệt ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của chị A. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng tự hòa giải nhiều lần, gia đình hai bên đã vun vén cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng sâu sắc hơn. Không sống được với nhau vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ kể từ tháng 12/2014 cho đến nay. Chị Nguyễn Thị A xác định hôn nhân giữa chị A, anh N đã hoàn toàn đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, chị A đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Duy N.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Duy T, Giới tính: nam, sinh ngày 24/4/2009. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang được chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh N không có trách nhiệm gì đối với con chung. Nếu ly hôn chị A đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Trần Duy N không hợp tác, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh N để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chị Nguyễn Thị A cung cấp, xác minh tại địa phương, trình bày của chị A tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị A đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị A, anh Trần Duy N, yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh N không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị A có mặt, bị đơn anh Trần Duy N vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị A, anh N. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Nguyễn Thị A có mặt, bị đơn anh Trần Duy N tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và anh Trần Duy N đảm bảo đúng qui định của pháp luật,

việc dẫn tới hôn nhân giữa chị A, anh N là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị A, anh N là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A, anh N đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh Trần Duy N không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, chồng thiếu trách nhiệm đối với vợ con, nên vợ chồng đã cự cãi va chạm với nhau qua lời nói, dẫn đến xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn kéo theo là hôn nhân đổ vỡ. Do mâu thuẫn vợ chồng hoàn toàn mất hết tình cảm với nhau, đã sống ly thân 4 năm nay. Sau khi các bên sống ly thân cả vợ, lẫn chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa chị A, anh N đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của chị.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con của vợ chồng được chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh N về việc nuôi con chung, nhưng chị A vẫn nuôi con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển tốt nhiều mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Theo đơn trình bày và nguyện vọng của con chung của vợ chồng thì cháu Trần Duy T, Giới tính: nam, sinh ngày 24/4/2009 con chung mong muốn trực tiếp với mẹ. Do vậy chị A đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị A.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu anh Trần Duy N cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N cho đến lúc có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị A phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

* Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Trần Duy N.

* Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Trần Duy T, Giới tính: nam, sinh ngày 24/4/2009 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Duy N cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Trần Duy N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

*Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0003039 ngày 04/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành - Nghệ An. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc